TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **76**/2025/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 03 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 360/2024/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **NTP**, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã Y, huyện G, thành phố H.

Bị đơn: Anh **PBT**, sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã Y, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTP, sinh năm 1989 và anh PBT, sinh năm 1973.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị NTP và anh PBT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị NTP và anh PBT cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu PBS, sinh ngày 04/7/2012 và cháu PPN, sinh ngày 17/11/2015.

Khi ly hôn, chị P và anh T thỏa thuận: Giao cả hai con chung của anh chị là cháu PBS và cháu PPN cho anh T là bố trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của chị P đến khi cháu S, cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị NTP và anh PBT không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTP chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004420 ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Hoàn trả chị P số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
-UBND xã Y (GCNKH số 16/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Ngọc